

Thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt được điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước

PGS.TS. NGUYỄN ĐẮC HÙNG

Khi phân tích về điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng không thể không xem xét diễn biến kinh tế – xã hội ở cả trong và ngoài nước. Bởi vì đây là nhân tố tác động mạnh nhất đến xây dựng cũng như điều hành chính sách tiền tệ hay thực hiện chiến lược kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2008 trong bối cảnh bị tác động mạnh bởi những diễn biến kinh tế quốc tế và trong nước sau đây:

• Bối cảnh quốc tế:

+ Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra với mức độ tồi tệ nhất trong vòng 80 năm qua. Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ khủng hoảng tín dụng thứ cấp nhà ở tại Mỹ, đã làm cho gần 20 ngân hàng quy mô lớn nhỏ khác nhau tại Mỹ bị phá sản, bị thôn tính, phải bán lại, sáp nhập, chính phủ Mỹ phải triển khai kế hoạch trợ giúp tài chính trị giá 700 tỷ USD và bơm thêm 800 tỷ USD để cứu nền kinh tế. Nhiều ngân hàng khác tại châu Âu, của Anh, Đức, Pháp, Bỉ, Hà Lan, cũng ở trong tình trạng tương tự. Các quốc gia châu Âu phải đưa ra khoản cứu trợ cả gói lên tới trên 2.500 tỷ USD. Tại châu Á, một tập đoàn bảo hiểm lâu đời của Nhật cũng bị phá sản. Chính phủ các nước: Nhật, Hàn Quốc, cũng tung ra các khoản cứu trợ thị trường tài chính và kích thích kinh tế trị giá hàng chục, thậm chí hàng trăm tỷ USD.

+ Trong nửa đầu năm 2008 lạm phát trên thế giới tăng mạnh, lên mức cao nhất trong khoảng gần 20 năm qua. Hầu hết NHTW các nước thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất chủ đạo và tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Nhưng từ tháng 9/2008 do lo ngại suy thoái kinh tế bởi cuộc khủng hoảng tài chính, ngân hàng TW các nước nhanh chóng chuyển sang thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, đồng loạt cắt giảm mạnh lãi suất chủ đạo, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và đưa ra các giải pháp tài chính mạnh mẽ khác để thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế.

+ Thị trường ngoại tệ, thị trường hàng hoá diễn biến phức tạp. Trong 7 tháng đầu năm 2008, USD giảm giá mạnh so với Euro và các loại ngoại tệ chủ chốt khác, lúc xuống thấp nhất 1 Euro đổi được trên 1,6 USD, nhưng từ tháng 8/2008, USD tăng giá trở lại và đến cuối tháng 10-2008, 1 Euro chỉ còn đổi được hơn 1,4 USD. Tương tự giá dầu thô lên cao nhất tháng 7/2008 đạt tới 147 USD/thùng, nhưng đầu tháng 12/2008 giảm còn khoảng 44-46 USD/thùng, thấp nhất trong gần 4 năm qua. Giá vàng lúc cao nhất tới 940 USD/ounce cuối năm giảm còn hơn 700 USD/ounce. Giá gạo lúc cao nhất tới 1.200 USD/tấn, cuối năm còn hơn 400 USD/tấn. Giá gas, thép, cao su, cà phê, cũng có diễn biến tương tự, tăng cao trong hơn 7 tháng đầu năm và giảm mạnh trong những tháng cuối năm 2008.

• Về bối cảnh trong nước:

+ Thiên tai diễn ra trên diện rộng. Đặc biệt đầu năm xảy ra đợt rét đậm nhất và kéo dài trong lịch sử hàng chục năm qua ở các tỉnh phía Bắc, gây thiệt hại lớn về mùa màng, gia súc, gia cầm. Lũ lụt, dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra ở nhiều nơi.

+ Do diễn biến của giá cả thị trường tệ giới, do biến động của USD, giá vàng, thị trường chứng khoán toàn cầu, cộng với một số yếu tố khác, nên trong 7 tháng đầu năm 2008, giá lương thực, đặc biệt là giá gạo; giá vàng, giá xăng dầu, giá sắt thép, cao su, hạt điều, cà phê, xi măng tăng mạnh, chỉ số giá tăng cao nhất trong 16 năm qua. Từ tháng 8/2008 giá các mặt hàng đó giảm dần thậm chí có mặt hàng giảm mạnh. Chỉ số CPI cũng tăng chậm lại, thậm chí giảm trong tháng 10 và tháng 11/2008. Giá thu mua các mặt hàng nông sản, lương thực,... xuất khẩu ở trong nước cũng giảm mạnh.

Nhìn chung Chính phủ, Bộ Tài chính và NHTW các nước trên thế giới đang từ chỗ thực hiện nhiều giải pháp mạnh mẽ, đặc biệt thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để chống lạm phát trước “con bão giá” lan rộng trên toàn cầu, đã nhanh chóng chuyển

sang thực hiện chính sách tiền tệ nói lỏng để phòng chống ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính bất nguồn từ khủng hoảng tín dụng thứ cấp nhà ở tại Mỹ.

Theo thông lệ, mục tiêu của chính sách tiền tệ là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên trong thực tiễn điều hành không phải lúc nào cũng đạt được cả 2 mục tiêu trong cùng một lúc mà trong từng thời điểm hay từng giai đoạn phải tạm thời hy sinh mục tiêu này để đạt được mục tiêu kia. Tại VN trước những diễn biến nói trên, điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2008 cũng đã kịp thời tích ứng với tình hình và được phân thành 3 giai đoạn rõ rệt:

- Thất chặt trong 8 tháng đầu năm nhằm kiểm chế lạm phát.

- Linh hoạt trong 2 tháng tiếp theo để vừa kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Nói lỏng dần trong những tháng cuối năm cũng nhằm mục tiêu tiếp tục kiểm soát lạm phát nhưng phải ngăn chặn nguy cơ suy giảm kinh tế do tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Phân tích cụ thể các giai đoạn điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2008 có thể thấy rõ như sau.

1. Thực hiện chính sách tiền tệ thất chặt

• Các biện pháp thất chặt:

Một trong số tám giải pháp “Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững” được Chính phủ đưa ra ngay từ giữa tháng 3/2008 đó là thực hiện thất chặt chính sách tiền tệ. Để thực hiện mục tiêu thất chặt đó, NHNN thông qua các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của mình đã tăng lãi suất trong nền kinh tế để kích thích tiết kiệm, hạn chế đầu tư, rút bớt tiền từ lưu thông về NHNN, hạn chế tăng trưởng tín dụng. Điều này có thể thấy rõ qua các biện pháp đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai thực hiện trong các thời điểm cụ thể sau đây:

Tháng 1/2008, NHNN quyết định mở rộng thêm phạm vi phải thực hiện tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi trên 24 tháng, thay vì chỉ có tới 24 tháng như trước đây. Ngày 1/2/2008 NHNN, ban hành quy định tổng dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng. Kể từ tháng 2/2008 NHNN quyết định tăng thêm 1% đối với các mức dự trữ bắt buộc. Cũng từ tháng 2/2008, lãi suất cơ bản tăng từ 8,25%/năm lên 8,75%/năm; lãi suất

tái cấp vốn tăng từ 6,5%/năm lên 7,5%/năm và lãi suất chiết khấu tăng từ 4,5%/năm lên 6,0%/năm. Các mức lãi suất trước đó được thực hiện từ tháng 12/2005, ổn định trong hơn 2 năm đến thời điểm này mới điều chỉnh tăng trước áp lực gia tăng lạm phát.

Ngày 17/3/2008, có tổng số 41 tổ chức tín dụng phải mua 20.300 tỷ đồng tín phiếu NHNN bắt buộc, trong đó 3 NHTM nhà nước mỗi ngân hàng phải mua 3.000 tỷ đồng. Ngày 10/4/2008 NHNN quyết định thu hẹp đối tượng được vay vốn ngoại tệ.

Từ ngày 19/5/2008, lãi suất cơ bản tăng từ 8,75%/năm lên 12%/năm và các NHTM quy định lãi suất cho vay không quá 150% lãi suất cơ bản. Tiếp đó, ngày 11/6/2008 lãi suất cơ bản tăng lên 14%/năm, lãi suất chiết khấu tăng từ 11% lên 13%/năm, lãi suất tái cấp vốn tăng từ 13%/năm lên 15%/năm. Ngày 11/7/2008 NHNN ban hành quy chế đại lý thu đổi ngoại tệ, chấn chỉnh hoạt động của các đại lý thu đổi ngoại tệ, chủ yếu là các công ty vàng bạc và cửa hàng vàng bạc tư nhân.

• Chính sách tiền tệ thất chặt tác động đến lãi suất, tỷ giá và thị trường tiền tệ:

Ngay từ đầu năm 2008 và đặc biệt là từ giữa tháng 2/2008, Ngân hàng Nhà nước triển khai các biện pháp thất chặt chính sách tiền tệ để thực hiện mục tiêu kiểm chế lạm phát theo chỉ đạo của Chính phủ. Trước bối cảnh như vậy, các NHTM thường xuyên phải linh hoạt điều chỉnh lãi suất huy động vốn, nhằm tăng cường huy động vốn trên thị trường; đồng thời thất chặt việc cho vay đối với khách hàng. Trong thời gian từ giữa tháng 2/2008 đến cuối tháng 8/2008, lãi suất huy động vốn của các ngân hàng thương mại cạnh tranh với nhau thường xuyên tăng lên, kèm theo đó là lãi suất cho vay cũng tăng. Hay nói cách khác, tác động lớn nhất của các quyết định thất chặt tiền tệ trong những tháng đầu năm 2008 đó là cuộc đua cạnh tranh tăng lãi suất huy động vốn của các NHTM. Điển hình nhất xin đưa ra một mốc thời gian cụ thể, đó là nếu như thời điểm 19/5/2008, lãi suất huy động vốn nội tệ - VND của các NHTM cao nhất cũng chỉ có 12%/năm, thì sau đó tăng lên 14% - 15%/năm. Nhưng từ ngày 11/6/2008, các NHTM đồng loạt tăng cao lãi suất và thị trường liên tục xác nhận mặt bằng mới về lãi suất huy động vốn cả nội tệ và ngoại tệ. Ngay tại thời điểm 11/6/2008 lãi suất huy động vốn nội tệ của các NHTM đã tăng lên tới 17% - 17,5%/năm. Tuy nhiên mặt bằng lãi suất đó chỉ duy trì trong ít ngày, không lâu sau đó hàng loạt NHTM đã tăng lãi suất lên 17,6% -

18,0%/năm, rồi 18,1% - 18,1%/năm. Bên cạnh lãi suất tăng, các NHTM còn đưa ra nhiều hình thức khuyến mãi khác nhau nhằm tăng tính hấp dẫn, thu hút khách hàng gửi tiền, nhất là khách hàng gửi tiền các món lớn và ổn định.

Lãi suất huy động vốn ngoại tệ - USD cũng ở mức rất cao, bình quân lên tới 6,5% - 7,0%/năm. Lãi suất cao nhất thuộc về NHTM cổ phần Nhà Hà Nội, với kỳ hạn 12 tháng, lên tới 8,0%/năm. Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN phát hành chứng chỉ tiền gửi ngoại tệ với mức cao nhất đối với USD lên tới 7,2%/năm.

Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng trong khoảng tháng 3 và tháng 4/2008 cá biệt có thời điểm lên tới 40%/năm, hay trên 30%/năm; khoảng thời gian từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 6-2008 cũng tăng khá, kỳ hạn 1 tháng lãi suất VND tăng lên tới 19,85%/năm, kỳ hạn 2 tuần là 19,0%/năm và kỳ hạn 1 tuần là 9,29%/năm,... Trước diễn biến này, Ngân hàng Nhà nước tăng cường hoạt động của nghiệp vụ ngân hàng trung ương, thực hiện can thiệp thông qua thị trường mở. Theo đó, tần suất hoạt động, quy mô giao dịch, phạm vi giao dịch của thị trường mở được gia tăng, với lãi suất được kiểm chế. Với nghiệp vụ này một mặt đáp ứng nhu cầu thanh khoản, đảm bảo vốn khả dụng cho các NHTM; mặt khác góp phần kiểm chế lãi suất trên thị trường theo mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của NHNN.

Lãi suất huy động vốn và lãi suất liên ngân hàng tăng, tất yếu lãi suất cho vay cũng tăng, giới hạn cao nhất tới 21%/năm, cộng với việc các NHTM thắt chặt tín dụng, cả hai diễn biến đó buộc các doanh nghiệp cũng như khách hàng nói chung phải cân nhắc đến khả năng chịu đựng lãi suất vốn vay và khả năng vay, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tạm dừng triển khai nhiều dự án. Đây cũng là cách góp phần kiểm chế lạm phát theo chủ trương chung của Đảng và Chính phủ.

Về tỷ giá, trong 8 tháng đầu năm 2008 diễn ra hay tình huống trái chiều nhau: cuối tháng 2 và đầu tháng 3/2008 tỷ giá xuống quá thấp, xuất hiện tình trạng thừa USD, doanh nghiệp khó bán cho NHTM, hoặc kèm theo tỷ giá thấp phải chịu phí bán ngoại tệ. Từ cuối tháng 5 đến giữa tháng 6/2008, tỷ giá tăng cao, doanh nghiệp khó mua ngoại tệ, hoặc ngoài tỷ giá cao phải trả thêm phí mua ngoại tệ. Song với các biện pháp điều hành, quản lý của NHNN, tỷ giá và thị trường ngoại tệ đã đi dần vào ổn định.

Tuy nhiên, đối với số đông doanh nghiệp nói

chung, trong đó có các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói riêng, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa thì việc khó vay được vốn hay vay vốn với lãi suất cao cần được nghiên cứu, rút ra bài học trong điều hành cơ chế và chính sách khi xảy ra các diễn biến kinh tế vĩ mô tương tự trong tương lai.

2. Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt nhưng linh hoạt đảm bảo vốn cho doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh

• Các biện pháp

Phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, cụ thể là đến tháng 8 và tháng 9/2008, chỉ số CPI đã tăng chậm lại, lạm phát đã có dấu hiệu được kiểm chế và sản xuất kinh doanh đang thực sự gặp khó khăn,... Do đó, cùng với việc kiên trì thực hiện mục tiêu thắt chặt tiền tệ, theo chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện linh hoạt trong điều hành, Ngân hàng Nhà nước đã có các quyết định cụ thể sau đây:

- Từ ngày 1/9/2008, lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng nội tệ tăng từ 1,2%/năm lên 3,6%/năm.

- Từ 1/10/2008, lãi suất cơ bản vẫn giữ nguyên là 14%/năm, nhưng lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc tăng từ 3,6%/năm lên 5,0%/năm.

- Ngày 25/9/2008, Thống đốc cho phép tín phiếu NHNN bắt buộc phát hành từ tháng 3/2008 được điều chỉnh bổ sung là được phép cầm cố để vay vốn, chiết khấu tại NHNN, được sử dụng làm công cụ cho nghiệp vụ thị trường mở của NHNN.

- Kể từ ngày 21/10/2008 NHNN giảm lãi suất cơ bản bằng VND từ 14%/năm xuống 13%/năm; thanh toán trước hạn 20.300 tỷ đồng tín phiếu NHNN bắt buộc phát hành ngày 17/3/2008 cho các tổ chức tín dụng có nhu cầu rút trước hạn; điều chỉnh giảm lãi suất tái cấp vốn từ 15%/năm xuống 14%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 13%/năm xuống 12%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng cũng giảm từ 15%/năm xuống còn 14%/năm. Điều chỉnh tăng lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc từ 5%/năm lên 10%/năm.

• Mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ giai đoạn này và diễn biến của thị trường tiền tệ hiện nay sau các biện pháp điều hành linh hoạt

Mục đích điều hành chính sách tiền tệ vẫn là thắt chặt để kiểm chế lạm phát. Bởi vì cho tới thời điểm này, mặc dù chỉ số CPI tháng 10/2008 đã giảm,

nhưng tính chung 10 tháng đầu năm và nhìn rộng ra là 12 tháng qua vẫn cao. Do vậy trong điều hành chính sách tiền tệ, NHNN vẫn thắt chặt ở chỗ duy trì tỷ lệ dự trữ bắt buộc cao để hạn chế việc mở rộng tín dụng của các NHTM trong nền kinh tế và để thu hút bớt tiền từ lưu thông về thông qua công cụ dự trữ bắt buộc. Song linh hoạt ở chỗ tăng lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc để góp phần giảm chi phí hoạt động tín dụng cho các TCTD; đồng thời bắt đầu giảm một loạt lãi suất để tạo điều kiện cho các TCTD giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu vay của khách hàng với lãi suất thấp hơn. Mặt khác tăng thêm tính thanh khoản cho TCTD thông qua thanh toán trước hạn tiền mua tín phiếu NHNN bắt buộc; sử dụng tín phiếu này để tiếp cận các kênh cho vay tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở của NHNN.

Tác động tích cực của các biện pháp điều hành linh hoạt nói trên, đó là từ đầu tháng 9/2008 đến đầu tháng 11/2008, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng thương mại đã có những diễn biến theo hướng hạ nhiệt. Các NHTM điều chỉnh giảm dần lãi suất huy động vốn, trong đó giảm nhiều nhất là lãi suất tiền gửi nội tệ, với mức giảm từ 1-2%/năm trong mỗi tháng, hay mỗi đợt điều chỉnh lãi suất, điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc của NHNN so với trước đó. Lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 1 năm đến đầu tháng 11/2008 phổ biến chỉ còn 11% - 14,8%/năm so với đỉnh cao trong tháng 6-2008 là 16 - 17%/năm; kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng còn phổ biến là 13% - 15%/năm so với lúc đỉnh cao là 18 - 19%/năm, lãi suất tiền gửi USD kỳ hạn 1 năm phổ biến cũng là 5-5,8%/năm. Lãi suất cho vay cũng giảm bình quân 1,5-2%/năm, thậm chí có NHTM giảm lãi suất cho vay nội tệ với mức giảm 3-4%/năm. Đến đầu tháng 11/2008 lãi suất cho vay VND giảm xuống còn 14%/năm - 16,5%/năm so với đỉnh cao là 21%/năm. Lãi suất cho vay USD cũng giảm xuống còn 6,5% - 8,5%/năm. Đồng thời các ngân hàng thương mại cũng chủ động hơn trong tìm kiếm khách hàng vay vốn, đặc biệt là cạnh tranh thu hút khách hàng tiềm năng, khách hàng có thị trường xuất khẩu ổn định. Tuy nhiên đến đầu tháng 11/2008 lãi suất cho vay vẫn còn cao. Lãi suất cho vay nội tệ phổ biến là 19%/năm, thấp nhất được công bố là 15,5%/năm, nhưng không phải khách hàng nào cũng vay được.

Trong giai đoạn này nghiệp vụ thị trường mở vẫn được tổ chức hoạt động tốt, đóng vai trò quan trọng trong can thiệp vào lãi suất và thanh khoản cho các

NHTM. Tỷ giá và thị trường ngoại tệ nhìn chung diễn biến ổn định hơn giai đoạn 8 tháng đầu năm 2008.

3. Điều hành nổi lỏng chính sách tiền tệ

• Mục tiêu và các biện pháp thực hiện

Mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ giai đoạn này là một mặt vẫn kiểm soát lạm phát, sau hai tháng (10 và 11/2008) chỉ số CPI đã giảm, nhưng nhìn chung cả năm 2008 vẫn còn cao; đồng thời góp ngăn chặn nguy cơ suy giảm kinh tế do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới và thiên tai trong nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển,... Khác với các biện pháp điều hành linh hoạt, việc điều hành nổi lỏng chính sách tiền tệ được thực hiện đồng thời cả cắt giảm mạnh tất cả các loại lãi suất kết hợp với việc giảm mạnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng khối lượng cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng nói chung mở rộng tín dụng với lãi suất thấp cho các nhu cầu vay vốn của khách hàng. Theo đó chỉ trong vòng một tháng, từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12/2008, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện tới 3 lần cắt giảm các loại lãi suất chủ đạo, 2 lần cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc,... thông qua đưa ra một loạt quyết định theo hướng nói trên; cụ thể như sau:

Kể từ ngày 5/11/2008, lãi suất cơ bản bằng VND giảm từ 13%/năm xuống 12%/năm. Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 14%/năm xuống 13%/năm; lãi suất chiết khấu giảm từ 12% xuống 11%/năm; lãi suất cho vay thanh toán bù trừ giảm từ 14%/năm xuống 13%/năm. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng nội tệ giảm 1% và tiền gửi dự trữ bắt buộc ngoại tệ giảm 2%.

Từ ngày 7/11/2008 NHNN điều chỉnh biên độ mua bán ngoại tệ giao ngay của các TCTD đối với khách hàng từ +/-2% lên +/-3%.

Ngày 20/11/2008, Thống đốc NHNN ban hành một loạt 3 quyết định giảm lãi suất cơ bản từ 12%/năm xuống còn 11%/năm; giảm lãi suất tái cấp vốn từ 13%/năm xuống còn 12%/năm; giảm lãi suất tái chiết khấu từ 11%/năm xuống còn 10%/năm; giảm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN xuống còn 12%/năm. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với các TCTD đô thị còn 8%; của NHNN&PTNT VN còn 5%; của NHTM CP nông thôn và Quỹ tín dụng TW, ngân hàng hợp tác còn 1%; tiền gửi từ 12 tháng trở lên với mức tương ứng

lần lượt còn 2%, 1% và 1%.

Ngày 3/12/2008, Thống đốc NHNN đã ban hành 5 quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 5/12/2008. Theo đó, lãi suất cơ bản giảm từ 11%/năm xuống còn 10%/năm; lãi suất tái cấp vốn giảm từ 12%/năm xuống còn 11%/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ 10%/năm xuống còn 9%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 12%/năm xuống còn 11%/năm; lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND đối với các Tổ chức tín dụng giảm từ 10%/năm xuống còn 9%/năm. Lãi suất cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đối với khách hàng không vượt quá 165% mức lãi suất cơ bản.

Kể từ tháng 12/2008, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với các TCTD đô thị giảm 2% xuống còn 8%, đối với ngoại tệ là 7%; của NHNN&PTNT VN cũng giảm 2% xuống còn 5% và đối với ngoại tệ là 6%; của NHTM CP nông thôn và QTD TW, ngân hàng hợp tác vẫn ở mức 1%; tiền gửi từ 12 tháng trở lên với mức tương ứng lần lượt còn 2%, 1% và 1%. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ từ 12 tháng trở lên của các TCTD đô thị là 3% và của TCTD nông thôn là 2%.

Trong giai đoạn này nghiệp vụ thị trường mở vẫn hoạt động bình thường theo hướng can thiệp vào vốn khả dụng của các NHTM và lãi suất trên thị trường. Tại giai đoạn này vốn khả dụng của các NHTM đã dư dật hơn những tháng đầu năm. Tỷ giá và thị trường ngoại tệ có một số thời điểm biến động nhẹ nhưng nhìn chung ổn định hơn các giai đoạn trước cũng trong năm 2008.

4. Tổng quan kết quả điều hành chính sách tiền tệ năm 2008

Một là, năm 2008, NHNN thực hiện các biện pháp thắt chặt tiền tệ, kiểm chế lạm phát,... theo 8 nhóm giải pháp của Chính phủ. Tính đến hết tháng 10/2008, tổng phương tiện thanh toán đối với nền kinh tế tăng 10,59% so với cuối năm 2007, chỉ bằng 1/3 so với mức tăng 32% cùng kỳ năm 2007; dư nợ cho vay tăng 19,6%, bằng 56% so với mức tăng 37% cùng kỳ năm trước. Trong 10 tháng đầu năm 2008 đã rút bớt từ lưu thông về NHNN hơn 35.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó quỹ dự trữ ngoại hối nhà nước được tăng cường, đến cuối năm 2008 ước tính đạt trên 23 tỷ USD.

Thực hiện ưu tiên kiểm chế lạm phát, nhưng NHNN vẫn linh hoạt trong điều hành và nới lỏng

trong những tháng cuối năm thích ứng với diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước. Đồng thời NHNN tăng cường quản lý hoạt động ngân hàng, nâng cao chất lượng tín dụng nói riêng và chất lượng hoạt động nói chung, hạn chế nợ quá hạn, kiểm soát dư nợ cho vay đầu tư chứng khoán và đầu tư bất động sản,...

Các NHTM đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn cho nông nghiệp, nông thôn, hộ nông dân, cho lĩnh vực xuất khẩu và các dự án quan trọng đang triển khai dở dang. Đặc biệt là tính đến hết tháng 10/2008, dư nợ cho vay lĩnh vực dân doanh tăng tới 35% so với cuối năm 2007, trong khi dư nợ cho vay doanh nghiệp nhà nước tăng chỉ có 12,8%. Dư nợ cho vay sản xuất tăng 34%, riêng lĩnh vực xuất khẩu tăng 37%. Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn và hộ nông dân tăng 27%. Đặc biệt dư nợ cho vay hộ nghèo, hộ gia đình chính sách xã hội đạt 27.000 tỷ đồng, tăng 34%, với 9 triệu hộ nghèo và gia đình chính sách được vay vốn trong 5 năm qua và hiện có 6 triệu hộ đang dư nợ, tạo việc làm cho khoảng 1,9 triệu người ở nông thôn. Riêng lĩnh vực tín dụng học tập, đến nay có trên 800.000 sinh viên trong toàn quốc đang dư nợ 6.061 tỷ đồng. Bên cạnh đó vốn tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện xây dựng được 820.000 công trình nước sạch cho các hộ gia đình ở nông thôn.

Đến hết tháng 10/2008, đã có 29 NHTM có tốc độ tăng trưởng dư nợ trên 30% so với cuối năm 2008. Dư nợ cho vay chứng khoán giảm từ 25.200 tỷ đồng thời điểm tháng 6/2007 xuống còn 6.200 tỷ đồng đến hết tháng 10/2008. Tại TP.HCM, dư nợ cho vay bất động sản trong 10 tháng đầu năm 2008 đã giảm được 85.090 tỷ đồng; trong số dư nợ 61.000 tỷ đồng đầu tư bất động sản hiện nay thì có 18.000 tỷ đồng là cho vay tín chấp theo lương của cán bộ, công nhân, viên chức,...

Hai là, xử lý lãi suất hài hoà đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, ngân hàng thương mại và người vay vốn. Từ ngày 19/5/2008, NHNN chuyển sang cơ chế điều hành lãi suất mới phù hợp với Luật NHNN và một số điều của bộ Luật dân sự. Riêng tiền gửi tiết kiệm của dân cư đến hết tháng 10/2008 tăng 34%, cao hơn so với mức tăng cùng kỳ năm trước chỉ có 31%.

Ba là, xem xét lại việc thành lập NHTM cổ phần mới và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Trong năm 2008, các NHTM cổ phần: Liên Việt, Tiên Phong, Nam Việt đã được cấp giấy phép thành lập và đã khai trương hoạt động. Đến cuối quý III - 2008,

NHNN đã tạm dừng việc cấp giấy phép thành lập mới, đang sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí thành lập mới NHTM CP theo hướng chặt chẽ hơn.

Tháng 8/2008, Commonwealth Bank of Australia đã khai trương chi nhánh tại TP.HCM, trở thành ngân hàng nước ngoài đầu tiên khai trương hoạt động chi nhánh sau khi các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ tài chính gia nhập WTO của VN chính thức có hiệu lực.

Trước đó đầu tháng 3/2008, NHNN cấp giấy phép chấp thuận về mặt nguyên tắc cho phép thành lập 2 ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại VN đó là The Hongkong and Shanghai Banking Corporation và Standard Chartered Bank.

Những diễn biến nói trên cho thấy các tập đoàn tài chính ngân hàng nước ngoài nhìn nhận tương lai nền kinh tế VN tiếp tục sáng sủa, họ không lo sợ rủi ro, mạnh dạn tiếp tục gia tăng số vốn đầu tư theo các hướng khác nhau, bám trụ lâu dài với nền kinh tế nước ta.

Bốn là, NHNN cũng tăng cường thanh tra, kiểm soát hoạt động ngân hàng. Trong 3 tháng giữa năm 2008, NHNN tập trung thanh tra chất lượng tín dụng tại Hà Nội và TP.HCM. Tính đến hết tháng 9/2008, tỷ lệ nợ quá hạn trong cả nước là 2,92%, tương đương với 35.000 tỷ đồng. Các NHTM đã trích dự phòng rủi ro 22.000 tỷ đồng.

Về hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh, cũng tính đến hết tháng 9/2008, tất cả các NHTM đều có số thu lớn hơn chi, cao hơn cùng kỳ năm trước, nhưng dự kiến đến hết năm 2008 thì số trích dự phòng rủi ro tăng lên, mức chênh lệch thu chi sẽ giảm đi, nhưng dự báo không có NHTM nào bị thua lỗ. Tính đến cuối tháng 11/2008 còn 9 NHTM CP quy mô nhỏ, có số vốn điều lệ dưới 1.000 tỷ đồng, đang nộp hồ sơ lên NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để làm thủ tục tăng vốn điều lệ đảm bảo theo đúng quy định của Chính phủ.

Năm là, về tỷ giá, được NHNN điều hành theo hướng bám sát quan hệ cung cầu ngoại tệ trên thị trường. Chính sách điều hành tỷ giá lấy việc khuyến khích xuất khẩu là động lực. Năm 2007 khi USD mất giá trên thị trường thế giới, nhưng điều hành tỷ giá của VN vẫn để cho VND giảm giá so với USD để hỗ trợ xuất khẩu, còn trong 10 tháng đầu năm 2008 điều hành tỷ giá của NHNN cũng theo hướng để VND giảm giá 6% so với USD cũng là để khuyến khích xuất khẩu. Trong năm 2008 có một số thời điểm đầu năm xảy ra tình trạng thiếu USD đó là do nhập siêu

tăng nhanh và NHNN điều hành tỷ giá theo chỉ đạo của Chính phủ.

5. Dự báo năm 2009 và giải pháp cho thời gian tới

Dự báo, trong năm 2009, lãi suất trong nền kinh tế sẽ có xu hướng giảm nhẹ so với mặt bằng lãi suất tháng 11/2008, sau đó ổn định. Vốn tín dụng ngân hàng cho đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế sẽ linh hoạt và có tính cạnh tranh cao hơn giữa các NHTM và TCTD. Tỷ giá cũng sẽ ổn định, mặc dù có thể sẽ tăng nhẹ theo hướng có chú ý đến khuyến khích xuất khẩu.

Theo dự báo của tác giả bài viết, NHNN sẽ tiếp tục điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, cũng như nghiệp vụ NHTW. Việc cấp phép thành lập ngân hàng mới sẽ được siết chặt hơn nữa. Theo quan điểm người viết, mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ thời gian tới cần ưu tiên cho thúc đẩy tăng trưởng kinh tế kết hợp với kiểm soát lạm phát. Các công cụ điều hành chính sách tiền tệ và nghiệp vụ NHTW cần được linh hoạt hơn nữa. Đồng thời tác giả bài viết cũng cho rằng, cơ chế điều hành vẫn cần hướng tới ổn định tỷ giá. Bởi vì nền kinh tế VN vẫn là nền kinh tế nhập khẩu, là nền kinh tế nhập siêu, vay nợ nước ngoài, xuất khẩu nguyên liệu thô và hàng hoá gia công,... Vì vậy nếu phá giá nhẹ VND không những ít tác động đến tăng trưởng xuất khẩu mà lại ảnh hưởng đến nhập khẩu và nợ nước ngoài,... Hoạt động của các NHTM và TCTD ngày càng đi vào ổn định, chất lượng hơn và nâng cao trình độ quản trị điều hành hơn, mức độ cạnh tranh lớn hơn. Song theo tác giả bài viết, NHNN nên tăng cường hơn nữa khâu thanh tra đảm bảo chất lượng tín dụng, nhất là lĩnh vực đầu tư bất động sản, đảm bảo an toàn hoạt động, phòng ngừa rủi ro, nhất là rủi ro công nghệ, rủi ro đạo đức và trong lĩnh vực mới.

Dự báo, hệ thống ngân hàng sẽ đóng vai trò quan trọng và tích cực thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế trong bối cảnh chung của kinh tế thế giới có nhiều khó khăn bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động ngân hàng sẽ có mức tăng trưởng cao hơn năm 2008 ■

Tài liệu tham khảo:

- www.sbv.gov.vn; www.vcb.com.vn; một số trang web khác của các NHTM trong nước.
- www.reuters.com; www.bloomberg.com,...
- Trả lời chất vấn của Thống đốc NHNN tại kỳ họp cuối năm 2008.